

BỘ QUỐC PHÒNG  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ



TRẦN THÀNH

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP  
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ TÁC ĐỘNG  
CỦA NÓ ĐẾN CUNG CỐ KHU VỰC PHÒNG THỦ TỈNH  
(THÀNH PHỐ) TRÊN ĐỊA BÀN QUÂN KHU 9 HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Kinh tế chính trị

Mã số : 62 31 01 01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

HÀ NỘI - 2010

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - BỘ QUỐC PHÒNG**

*Người hướng dẫn khoa học:*

- 1. PGS, TS Phạm Đức Nhuận**
- 2. PGS, TS Trần Trung Tín**

**Phản biện 1: GS, TSKH Lê Đình Thắng**  
**Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội**

**Phản biện 2: PGS, TS Nguyễn Khắc Thanh**  
**Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia HCM**

**Phản biện 3: GS, TS Nguyễn Trí Đình**  
**Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội**

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện theo quyết định số: 294/QĐ- SDH ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Giám đốc Học viện Chính trị, họp tại Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng.

*Vào hồi 08 giờ 00 ngày 24 tháng 11 năm 2010*

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Quân đội
- Thư viện Học viện Chính trị

**NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ  
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

- 1. Trần Thành** (2007), “Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng – an ninh trên địa bàn Quân khu 9”, *Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự*, Học viện Chính trị - Quân sự, số 2 (102), tr.57- 60.
- 2. Trần Thành** (2008), “An ninh lương thực: một số vấn đề cần quan tâm ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 8 (424), tr.22-23.
- 3. Trần Thành** (2008), “Sử dụng đất nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long: thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí kinh tế và dự báo*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 16 (432), tr. 28-29.
- 4. Trần Thành** (2009), “Tác động của phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long đến nhiệm vụ quốc phòng – an ninh”, *Tạp chí kinh tế và dự báo*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 7 (447), tr.30-32.
- 5. Trần Thành** (2009), “Việc làm cho thanh niên đồng bằng sông Cửu Long – thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Thanh niên*, Cơ quan Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, (36), tr.8-9.

củng cố KVPT trên địa bàn: khó khăn về xây dựng lực lượng, thể trận..., nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng kháng chiến cũ và vùng ven biển, đảo. Đây phải được xem là “điểm nhấn” cần lưu ý đến về lâu dài khi hoạch định phát triển nông nghiệp ĐBSCL.

3. Quán triệt đường lối, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Đảng ta trong giai đoạn mới, luận án đã đề xuất những định hướng và các giải pháp để phát huy tác động tích cực của phát triển nông nghiệp ĐBSCL đến củng cố KVPT một cách chủ động và bền vững. Trong đó, định hướng về phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất lớn, tiên tiến, hiện đại, hội nhập; cũng như giải pháp nghiên cứu, khảo sát, đánh giá toàn diện thế mạnh về nông nghiệp ĐBSCL và xây dựng hoàn chỉnh qui hoạch phát triển nông nghiệp tổng thể gắn với nhiệm vụ QP – AN của mỗi địa phương và toàn vùng phải được xem là “mấu chốt” trong hệ thống định hướng và những giải pháp cụ thể đã được xác định. Điều này cũng đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc của cả hệ thống chính trị - xã hội, của từng người dân, đồng thời nhà nước Trung ương phải có trợ giúp nhiều mặt trong quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH nói chung và phát triển nông nghiệp nói riêng, với những điều kiện bảo đảm kết nối với các vùng khác trong cả nước và các nước trong khu vực (nhất là Vương quốc Campuchia), hạn chế thấp nhất những lãng phí, thiệt hại về nhân tài, vật lực, môi trường sinh thái và tác động tiêu cực đến nhiệm vụ QP - AN.

4. Phát triển nông nghiệp ĐBSCL, nhất là tác động của nó đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 hiện nay là vấn đề mới và khá phức tạp, cho nên những vấn đề nghiên cứu trong phạm vi nội dung luận án tiền sử được xác định là những gợi mở khoa học bước đầu, những đóng góp nhỏ bé vào quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nói chung và phát triển nông nghiệp ĐBSCL nói riêng. Để biến những trở trở, suy nghĩ tâm huyết của tác giả thành hiện thực, đòi hỏi phải có sự đồng thuận góp sức, đầu tư đúng mức của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các cấp hữu quan và của từng cá nhân trong cộng đồng dân cư thuộc tất cả các thành phần kinh tế ở vùng đất nông nghiệp Tây Nam Bộ./.

## Mở đầu

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Sản xuất nông nghiệp, đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân và diện mạo nông thôn nước ta đã và đang thu hút sự quan tâm đặc biệt của dư luận xã hội, các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KT - XH ở các cấp, các ngành cả Trung ương và địa phương; nhất là khi nước ta đã là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

ĐBSCL là vùng trọng điểm lúa số một của cả nước, có nguồn thủy sản dồi dào nhất hiện nay. Hàng năm sản xuất khoảng 50% sản lượng lúa, 52% sản lượng thủy sản, cung cấp 90% sản lượng gạo cho xuất khẩu. Sự phát triển nông nghiệp ĐBSCL có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển KT - XH của các vùng khác và của đất nước. Vùng kinh tế đặc thù này, một mặt có ý nghĩa chiến lược về kinh tế nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, mặt khác còn có ý nghĩa QP - AN đặc biệt. Là tuyến đầu do lực lượng vũ trang QK9 đảm nhiệm, cả trên biên giới đất liền và biên giới biển cực Nam của Tổ quốc.

Thấy rõ vị trí và tiềm năng to lớn của ĐBSCL, trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã dành sự quan tâm đặc biệt, chỉ đạo và hỗ trợ trên nhiều mặt nhằm đẩy nhanh nhịp độ phát triển. Nhờ vậy, kinh tế của vùng đã có bước phát triển mạnh mẽ, bộ mặt KT - XH ở nhiều địa phương đã có những thay đổi, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt, thể trận phòng thủ không ngừng được củng cố.

Tuy vậy, so với tiềm năng vốn có mà thiên nhiên đã ban tặng cho vùng này thì nông nghiệp tuy có phát triển, nhưng không đều, phân hoá giàu nghèo ngày càng sâu sắc, một số địa phương nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng kháng chiến cũ phát triển chậm, còn nhiều hộ nghèo; giá cả hàng hoá nông phẩm không ổn định, ảnh hưởng đến đời sống nông dân, thực tiễn đang vấp phải hiện trạng “nông nghiệp đi lên, nông dân đi xuống”, tác động tiêu cực đến quân sự, QP - AN. Đặc biệt trong điều kiện mới, phát triển nông nghiệp ĐBSCL đang đặt ra những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp tới củng cố KVPT trên địa bàn Quân khu như: tổ chức xây dựng lực lượng, triển khai thể trận, huy động sức dân.... Chưa có phương thức kết hợp chặt chẽ giữa qui hoạch phát triển KT - XH với QP - AN, nhận thức nội dung, biện pháp củng cố KVPT chưa đầy đủ, chưa thật sự cơ bản và đồng bộ, đòi hỏi phải xử lý một cách khoa học thì mới đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới. Trong khi đó việc

đánh giá, quản lý, khai thác mọi tiềm năng trong phát triển nông nghiệp và môi trường tác của nó đến vùng KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 hiện nay chưa thích ứng với xu thế hội nhập, vẫn chưa thể hiện đầy đủ tầm chiến lược, chưa mang tính đột phá, nhiều vấn đề chưa có lời giải đáp thoả đáng. Vì vậy, tiếp cận ở góc độ chuyên ngành kinh tế chính trị, tác giả lựa chọn đề tài “*Phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long và tác động của nó đến vùng KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quận 9 hiện nay*” làm luận án tiến sĩ.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

### **\* Mục đích:**

Luận giải cơ sở lý luận và thực tiễn của phát triển nông nghiệp ĐBSCL và tác động của nó đến vùng KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9. Trên cơ sở đó, đề xuất những định hướng và giải pháp khả thi để phát huy tác động tích cực của phát triển nông nghiệp ĐBSCL đối với vùng KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 hiện nay.

### **\* Nhiệm vụ:**

Thực hiện mục đích trên, luận án có nhiệm vụ:

- Luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp ĐBSCL và tác động của nó đến vùng KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9.

- Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp ĐBSCL và tác động của nó đến vùng KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9.

Đề xuất định hướng và một số giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực của phát triển nông nghiệp ĐBSCL đối với vùng KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 hiện nay.

## **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

**\* Đối tượng nghiên cứu:** Sự phát triển nông nghiệp ĐBSCL (chủ yếu là lương thực và thủy sản) và tác động của nó đến vùng KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9.

**\* Phạm vi nghiên cứu:** Khu vực 12 tỉnh, thành phố ĐBSCL: Cần Thơ, Bến Tre, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau (không kể tỉnh Long An thuộc địa bàn Quận 7). Tập trung nghiên cứu sự tác động của nông nghiệp đến KVPT trên địa bàn, nhất là vành đai biên giới Tây Nam (cả vành đai biên giới biển có liên quan).

## **4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp luận nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử;

nâng cao tác động tích cực của phát triển nông nghiệp ĐBSCL đến vùng KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 hiện nay, góp phần khẳng định niềm tin: một ngày không xa có một ĐBSCL giàu về kinh tế nông nghiệp, mạnh về QP - AN, là điểm sáng của cả nước thực hiện “đi trước, về trước” trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

## **KẾT LUẬN**

**1. Nông nghiệp ĐBSCL là lĩnh vực mũi nhọn, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển KT – XH của vùng. Vì vậy, việc tiếp cận về phát triển nông nghiệp nước ta nói chung và tính đặc thù của phát triển nông nghiệp ĐBSCL nói riêng có ý nghĩa to lớn.**

Đặc thù phát triển nông nghiệp ĐBSCL là quá trình không ngừng tăng về số lượng, nâng cao chất lượng nông phẩm hàng hoá gắn với cơ cấu chủ yếu là sản xuất lương thực và khai thác, chế biến thủy, hải sản theo hướng sản xuất lớn, tiên tiến, hiện đại, hội nhập, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, ổn định KT – XH nông thôn, xứng tầm là khu vực phát triển nông nghiệp lớn nhất cả nước. Đồng thời, nó còn có vai trò tác động toàn diện đến nhiệm vụ vùng KVPT trên địa bàn cả khía cạnh tiềm lực chính trị, kinh tế, văn hoá, xây dựng lực lượng và thế trận. Điều này được luận giải như là một tất yếu khách quan trong suốt chiều dài phát triển của vùng do tính lịch sử, tiềm năng, địa lý đặc thù và yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững qui định.

**2. Với nỗ lực chủ quan của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương và người dân ĐBSCL, phát triển nông nghiệp trong vùng không ngừng tăng trưởng cao, liên tục tạo tiền đề vững chắc cho an ninh lương thực quốc gia, góp phần tạo ra kết cấu hạ tầng KT – XH, củng cố lực lượng và thế trận QP – AN, củng cố các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng ngày càng bền chặt. Trong đó, vấn đề an ninh lương thực quốc gia và góp phần xây dựng thế trận lòng dân vững chắc là “điểm sáng” nhất nói lên vai trò tác động tích cực của phát triển nông nghiệp ĐBSCL đối với vùng KVPT trên địa bàn QK9. Tuy nhiên cũng phải nhìn nhận thực tế: do nhiều nguyên nhân khác nhau, nên trong quá trình phát triển nông nghiệp ĐBSCL còn bộc lộ những hạn chế là điều khó tránh khỏi. Việc sản xuất lương thực và khai thác, chế biến thủy, hải sản còn thiếu tính toán khoa học, kém bền vững không những ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng, mà còn gây khó khăn cho việc**

**Thứ hai**, Cơ chế, chính sách hỗ trợ cần bảo đảm tính thống nhất, phù hợp trong không gian kinh tế nông nghiệp toàn vùng ĐBSCL

**Thứ ba**, cơ chế, chính sách cần công khai, minh bạch đến từng người dân, giúp người nông dân tiếp cận được những lợi ích thiết thân mang tính xã hội hoá và nhân văn trên tất cả các lĩnh vực.

**Thứ tư**, cơ chế, chính sách phải toàn diện, lâu dài, nhưng trước mắt cần tập trung giải quyết cho việc tăng trưởng nhanh, bền vững của cây lúa và thủy sản.

**3.2.5. Phát huy những mô hình kinh tế - quốc phòng, quốc phòng – kinh tế và vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang Quân khu 9 trong việc thực hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp gắn với khu vực phòng thủ**

Để thực hiện vấn đề trên, trước mắt cần tập trung vào các giải pháp cụ thể sau đây:

**Thứ nhất**, làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho mọi thành phần nhận thức sâu sắc đường lối của Đảng về hai nhiệm vụ chiến lược trong tình hình mới.

**Thứ hai**, chủ động phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong việc qui hoạch về phát triển nông nghiệp gắn với củng cố KVPT mang tính toàn diện.

**Thứ ba**, có bước đi vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm trong việc đa dạng hoá mô hình kinh tế - quốc phòng, quốc phòng – kinh tế.

**Thứ tư**, nhân rộng và có hướng điều chỉnh sát thực phù hợp với tình hình mới đối với những mô hình kết hợp đã và đang hoạt động tương đối có hiệu quả trên địa bàn.

**Thứ năm**, nâng cao hiệu quả vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang Quân khu trên mặt trận kết hợp kinh tế - quốc phòng, quốc phòng – kinh tế, xây dựng vững chắc thế trận lòng dân trong KVPT.

### **Kết luận chương 3**

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm và chỉ đạo sâu sát sản xuất nông nghiệp ĐBSCL với hai mảng giàu tiềm năng nhất là lúa gạo và thủy sản, xem đây là nhân tố giữ vững an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống, có tác động nhiều mặt đến đời sống KT – XH toàn vùng.

Vì vậy, cần khẳng định: mỗi bước tiến vững chắc của nông nghiệp vùng này phải chú ý đến các lĩnh vực khác. Riêng dưới góc nhìn kinh tế chính trị, những định hướng và giải pháp vừa đề cập trên đây nếu được tiến hành đồng bộ sẽ mang lại hiệu quả thiết thực nhất trong việc

phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin, kinh tế học quân sự Mác - Lênin, cùng các phương pháp phân tích, so sánh, thống kê... để làm sáng tỏ cả về mặt định tính và định lượng những nội dung đề tài đề cập tới.

Mặt khác, đề tài bám sát các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; các Nghị quyết của Đảng bộ 12 tỉnh, thành phố thuộc ĐBSCL và các Nghị quyết của Đảng uỷ QK9. Đồng thời tác giả tham khảo các đề tài có liên quan của các nhà khoa học trong và ngoài nước trên tinh thần vận dụng, kế thừa có chọn lọc.

### **5. Những đóng góp mới**

- Làm rõ tính đặc thù của phát triển nông nghiệp ĐBSCL và vấn đề củng cố KVPT trên địa bàn QK9 so với các vùng, miền khác trong cả nước.

- Làm rõ sự tác động của phát triển nông nghiệp ĐBSCL (nhất là phát triển nông nghiệp vành đai biên giới) đến củng cố KVPT trên địa bàn QK9 là yêu cầu khách quan và chỉ ra nội dung tác động đó.

- Đề xuất những giải pháp thiết thực để phát huy tác động tích cực của phát triển nông nghiệp ĐBSCL đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 hiện nay.

### **6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn**

Đề tài được thực hiện sẽ góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn cho hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung và phát triển nông nghiệp ĐBSCL nói riêng, có tính đến sự tác động của nó đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 trong giai đoạn hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể làm tài liệu tham khảo nghiên cứu và giảng dạy môn kinh tế chính trị, kinh tế quân sự ở các học viện, nhà trường trong và ngoài quân đội.

### **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, luận án gồm 3 chương (8 tiết), kết luận, danh mục công trình đã được công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

## **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

**1. Những nghiên cứu về nông nghiệp ở một số nước có liên quan đến đề tài**

Trên thế giới, đã có nhiều tài liệu, công trình khoa học nghiên cứu luận giải nhiều bài học quý khi đề cập đến kinh tế nông

ng nghiệp, nông thôn và những tác động cả tích cực và tiêu cực của nó đến nhiều vấn đề lớn như: tăng trưởng kinh tế, ổn định đời sống chính trị xã hội, môi trường và tác động đến cả QP - AN. Điển hình như Trung Quốc, trong quá trình cải cách thể chế kinh tế, cuộc cải cách nông nghiệp là một lĩnh vực đột phá đầu tiên, được quan tâm nhất và được coi là lĩnh vực thu được thành công nhiều nhất trong giai đoạn đầu khởi xướng; nhưng càng về sau cũng bộc lộ nhiều hạn chế nhất, những vấn đề phức tạp chủ yếu diễn ra ở nông thôn, nếu không giải quyết triệt để sẽ tác động đến sự ổn định chính trị xã hội. Vì vậy, trong những năm gần đây đã có nhiều “văn kiện số 1” về chính sách của Đảng cộng sản Trung Quốc đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn (thường được gọi là chính sách “tam nông”). Đặc biệt, công trình nghiên cứu của Trác-Vệ-Hoa với “lý luận và thực tiễn cải cách và phát triển nông nghiệp, nông thôn Trung Quốc 30 năm qua” đã phản ánh rõ nét bức tranh phát triển của nông nghiệp, nông dân, nông thôn Trung Quốc thời kỳ cải cách. Trong hệ thống nội dung của công trình nghiên cứu này (nhất là những định hướng mang tính đột phá), có ba điểm chất lượng rất quan trọng có liên quan đến đề tài nghiên cứu, cần tham khảo để vận dụng như là những bài học, yêu cầu “cốt tử” trong phát triển nông nghiệp, đó là: phải coi trọng cao độ an ninh lương thực quốc gia, đặt phát triển sản xuất lương thực vào vị trí hàng đầu trong xây dựng nông nghiệp hiện đại, xác định rõ và thực hiện mục tiêu phát triển lương thực, tăng cường chính sách nâng đỡ, huy động đầy đủ tích cực trong nông dân trồng lương thực, địa phương nắm lương thực, không ngừng tăng cường năng lực sản xuất tổng hợp; phải định hướng cho nông dân xây dựng vững chắc tư tưởng chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể, CNXH, hình thành tác phong xã hội tốt đẹp; phải coi sản xuất lương thực, nông dân tăng thu nhập, bảo vệ đất canh tác, xử lý môi trường hài hoà, ổn định, liên hệ mật thiết với quần chúng, giữ gìn nông thôn ổn định là những nội dung trong sát hạch thành tích chính trị của ban lãnh đạo địa phương đặc biệt là cấp huyện (thị).

Bên cạnh đó, tham khảo những nghiên cứu về phát triển nông nghiệp của các nước ASEAN, những quốc gia có điều kiện tương đồng về nhiều mặt với nước ta nói chung và ĐBSCL nói riêng về địa lý, khí hậu, trình độ phát triển nông nghiệp, tập quán canh tác... cũng rất cần thiết. Chẳng hạn như việc xây dựng chiến lược toàn diện định hướng ngay từ đầu lấy xuất khẩu hàng hoá nông sản làm mũi nhọn đột phá để tích lũy vốn ban đầu cho công nghiệp hoá ở Thái Lan; việc ổn định và

**Thứ hai**, xác định rõ cơ cấu nông nghiệp ở từng địa phương để khai thác lợi thế so sánh và tăng nhanh tỷ trọng nông phẩm hàng hoá.

**Thứ ba**, khẩn trương qui hoạch, tiến tới bảo vệ nghiêm ngặt và có kế hoạch phát triển rừng ở ĐBSCL.

**Thứ tư**, có sự liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong việc qui hoạch, khai thác nguồn lực phát triển nông nghiệp để tạo tính chủ động trong cùng có KVPT.

**3.2.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long gắn với bảo đảm các nhu cầu quân sự, quốc phòng trong điều kiện mới.**

Để thực hiện vấn đề này, trước mắt cần tập trung vào những giải pháp cụ thể sau đây:

**Thứ nhất**, tập trung giáo dục ý thức vươn lên làm chủ tri thức, nhất là nguồn nhân lực trẻ ở nông thôn ĐBSCL.

**Thứ hai**, huy động mọi thành phần kinh tế, các cấp, các ngành, các đoàn thể, tổ chức xã hội tham gia tích cực, chủ động để phát triển nguồn nhân lực.

**Thứ ba**, đa dạng hoá các loại hình đào tạo phù hợp với đặc điểm KT - XH, cơ cấu nông nghiệp, nông thôn ĐBSCL.

**3.2.3. Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, góp phần tăng cường tiềm lực kinh tế, tiềm lực kinh tế quân sự, tiềm lực chính trị tinh thần cho khu vực phòng thủ**

Để thực hiện vấn đề này, trước mắt cần tập trung vào những giải pháp cụ thể sau đây:

**Thứ nhất**, nhà nước cần huy động “tổng lực” để đầu tư toàn diện cho giao thông ĐBSCL.

**Thứ hai**, khẩn trương hoàn thành các chương trình xây dựng cụm, tuyên dân cư tập trung.

**Thứ ba**, cần có “chương trình hành động” ngay đối với vấn đề môi trường nước ở ĐBSCL.

**3.2.4. Xây dựng đồng bộ cơ chế, chính sách đặc thù về nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long gắn với hoạt động của khu vực phòng thủ**

Để thực hiện vấn đề này, trước mắt cần tập trung vào những giải pháp cụ thể sau đây:

**Thứ nhất**, xây dựng cơ chế, chính sách cần thể hiện trách nhiệm và chỉ rõ “địa chỉ” hỗ trợ cụ thể, phải huy động được sự đồng thuận và hỗ trợ đặc lực của mọi chủ thể.

trong quá trình xây dựng các mô hình hợp tác làm ảnh hưởng đến mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa.

### **3.1.3. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn gắn với giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long**

Để làm tốt định hướng trên, yêu cầu trước mắt cần phải:

**Thứ nhất**, nhận thức đúng, đầy đủ về quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, gắn với những bước đi vững chắc, cụ thể mang tính đặc thù ở ĐBSCL.

**Thứ hai**, khẩn trương đưa tiến bộ khoa học – công nghệ vào phát triển nông nghiệp.

**Thứ ba**, thúc đẩy việc cơ giới hoá nông nghiệp, tập trung vào các khâu nặng nhọc tốn nhiều công sức.

**Thứ tư**, tuyên truyền vận động nông dân sử dụng ruộng đất có hiệu quả, khuyến khích các nhà đầu tư kinh doanh ruộng đất ở những vùng khó khăn.

### **3.1.4. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với củng cố quốc phòng – an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc biên giới trên bộ và trên biển Tây Nam của Tổ quốc.**

Để làm tốt định hướng trên, yêu cầu trước mắt cần phải:

**Thứ nhất**, tạo sự đồng thuận cao trong cộng đồng thấu suốt chủ trương kết hợp kinh tế với quốc phòng trong điều kiện mới của Đảng ta.

**Thứ hai**, trong các hoạt động kinh tế có liên quan đến nông nghiệp vừa tính đến lợi ích vật chất vừa tính đến những ảnh hưởng đến KVPT.

**Thứ ba**, chủ động liên kết các ngành, các địa phương, các loại hình kinh tế để giải quyết tốt các quan hệ phục vụ phát triển nông nghiệp và củng cố KVPT.

## **3.2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy tác động tích cực của phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long đến củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9 hiện nay**

### **3.2.1. Đánh giá đúng tiềm năng và xây dựng qui hoạch phát triển nông nghiệp tổng thể gắn với củng cố khu vực phòng thủ của mỗi địa phương và của toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long**

Để thực hiện vấn đề này, trước mắt cần tập trung vào những giải pháp cụ thể sau đây:

**Thứ nhất**, nghiên cứu kỹ cơ cấu thổ nhưỡng đa dạng của ĐBSCL.

phát triển nhanh chóng tình hình KT - XH sau thời kỳ đen tối của nạn diệt chủng ở Vương quốc Campuchia chính là nhờ khai thác hiệu quả tiềm năng nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực bằng chính nội lực quốc gia, làm tiền đề để nhân dân định cư an tâm sản xuất. Tuy nhiên, do sự khác nhau về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, về chế độ chính trị - xã hội, tính đặc thù của mỗi quốc gia; kể cả khác biệt về đường lối nghệ thuật, chiến lược quân sự, nên đề tài chỉ có thể tham khảo kinh nghiệm, kế thừa từ những bài học đó một số nhân tố đặc trưng, chứ không sao chép, ứng dụng một cách máy móc vào điều kiện của nước ta, trong đó có vùng nông nghiệp ĐBSCL. Hơn nữa, những nghiên cứu về phát triển nông nghiệp ở các nước nêu trên thường chú trọng về các giải pháp kinh tế hướng đến sự tăng trưởng bền vững cho lĩnh vực này, nếu có đề cập ảnh hưởng đến tình hình KT - XH thì cũng rất “nhạt”, thậm chí có xu hướng tách biệt khi nghiên cứu, nhất là vấn đề phức tạp, nhạy cảm như lĩnh vực QP - AN.

## **2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước có liên quan đến đề tài**

**Thứ nhất**, trên phương diện chủ trương, chính sách, luật pháp: Đảng và Nhà nước đã có nhiều nghị quyết, đề án, chỉ thị quan trọng định hướng phát triển KT - XH nói chung, phát triển nông nghiệp nói riêng phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Điểm đột phá đầu tiên là bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp theo tinh thần chỉ thị 100-CT/TW (13-1-1981) của Ban Bí thư Trung ương về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”; nhưng vẫn còn nhiều điều bất cập, nhất là vẫn còn xem nhẹ lợi ích của xã viên trong việc thực hiện chế độ khoán dẫn đến tình hình xã viên trả lại ruộng khoán. Để khắc phục tình hình này, cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp được tiếp tục bổ sung và phát triển theo tinh thần nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4-1988). Tháng 3 năm 1989 cơ chế “khoán 10” lại được tiếp tục hoàn thiện một bước theo tinh thần Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khoá VI. Nhìn lại chặng đường hơn 20 năm đổi mới, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đã đạt được thành tựu khá toàn diện và to lớn; tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa đồng đều giữa các vùng. Vì vậy Nghị quyết 26-NQ/T.Ư của Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ bảy khoá X về “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đã thể hiện bước tiến

mới về nhận thức, trong đó phản ánh đầy đủ, sâu sắc những thành tựu, hạn chế, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp. Sự ra đời của Nghị quyết Trung ương 7 là rất kịp thời và đúng đắn. Đặc biệt, xuất phát từ vị trí, vai trò rất quan trọng của ĐBSCL, mà Bộ Chính trị có ra Nghị quyết số 21 về “Chiến lược phát triển ĐBSCL” đề cập một cách toàn diện: cả về đánh giá tình hình, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp đến năm 2010 trên các mặt phát triển kinh tế, phát triển xã hội, QP - AN và đảm bảo nguồn vốn đầu tư. Mặc dù vậy, như trình bày vừa nêu những chủ trương, chính sách, luật pháp thường mang giá trị định hướng, chỉ đạo ở tầm vĩ mô, vẫn cần có sự nghiên cứu, bổ sung và nhất là phải đưa ra được các giải pháp, kiến nghị cụ thể để hiện thực hoá các văn bản có tính pháp lý trong đời sống thực tiễn.

*Thứ hai, trên phương diện các đề tài nghiên cứu khoa học:* đã có rất nhiều công trình khoa học đề cập trực tiếp đến phát triển nông nghiệp và mối quan hệ giữa phát triển KT - XH với tăng cường, củng cố QP - AN ở nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Những công trình khoa học của các giả như: Đặng Kim Sơn, Nguyễn Từ, Hoàng Ngọc Hoà, Lê Minh Vụ, Vũ Quang Lộc, Trần Trung Tín, Trần Xuân Châu, Lại Ngọc Hải... đã tiếp cận những vấn đề lý luận chung về phạm trù, khái niệm, đặc trưng, vai trò của phát triển nông nghiệp hàng hoá trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; những tác động nhiều mặt của hội nhập quốc tế vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam; kinh nghiệm phát triển nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá của nhiều nước, vùng lãnh thổ thế giới. Từ đó nêu ra một số vấn đề có tính lý luận và thực tiễn trong quá trình CNH, HĐH ở nước ta và giải quyết những vấn đề cụ thể của nông nghiệp. Hoặc tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau phản ánh sự kết hợp KT - XH với QP - AN, phù hợp với đối tượng, phạm vi, nội dung nghiên cứu cụ thể. Tuy nhiên, chưa có bất kỳ công trình khoa học nào đề cập trực diện đến phát triển nông nghiệp ĐBSCL và tác động của nó đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9.

*Thứ ba, trên phương diện tài liệu, bài báo khoa học:* Đã có một khối lượng khá lớn tài liệu, bài báo khoa học xoay quanh vấn đề vai trò phát triển nông nghiệp đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điển hình là nghiên cứu của Tô Huy Rứa với “nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong đổi mới ở Việt Nam – một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, trong đó có mấy nội dung có thể tham khảo để vận dụng như là những bài học để phát triển nông nghiệp nước ta trong giai đoạn mới.

xoay quanh yếu tố cơ sở hạ tầng xã hội nông thôn và nguồn nhân lực làm ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu CNH, HĐH ở vùng đất này.

### **Chương 3**

## **MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT HUY TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN Củng CỐ KHU VỰC PHÒNG THỦ TỈNH (THÀNH PHỐ) TRÊN ĐỊA BÀN QUÂN KHU 9 HIỆN NAY**

**3.1. Một số định hướng cơ bản nhằm phát huy tác động tích cực của phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long đến củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9 hiện nay**

**3.1.1. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, tiên tiến, hiện đại, hội nhập, làm cho đồng bằng sông Cửu Long giàu về kinh tế, vững mạnh về khu vực phòng thủ**

Để làm tốt định hướng trên, yêu cầu trước mắt cần phải:

*Thứ nhất,* triệt để khai thác thế mạnh của vùng nông nghiệp sinh thái đặc thù ĐBSCL.

*Thứ hai,* năng động tìm và chiếm lĩnh thị trường nội địa; đồng thời vươn ra xa mạnh mẽ hơn nữa thị trường ngoài nước.

*Thứ ba,* cần huy động, sử dụng hiệu quả từ nhiều nguồn vốn khác nhau để đủ thực lực phát triển nông nghiệp toàn diện.

*Thứ tư,* phát huy mạnh mẽ vai trò Nhà nước Trung ương và chính quyền địa phương các cấp trong chỉ đạo nông nghiệp.

**3.1.2. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu long, giải quyết tốt mối quan hệ giữa chuẩn bị kinh tế và động viên mọi mặt cho khu vực phòng thủ trên địa bàn**

Để làm tốt định hướng trên, yêu cầu trước mắt cần phải:

*Thứ nhất,* tổng kết kinh nghiệm thực tiễn để đánh giá đúng của từng loại hình nông nghiệp.

*Thứ hai,* có chủ trương khuyến khích, mở rộng các hình thức hợp tác kiểu mới.

*Thứ ba,* quan tâm theo dõi chỉ đạo hình thức hợp tác, liên kết giữa hộ nông dân với doanh nghiệp, với các cơ sở khoa học.

*Thứ tư,* khắc phục những khuynh hướng tùy tiện và đề phòng những lệch lạc do tính bè phái, địa phương, dòng họ... có thể nảy sinh



tiềm năng, vừa hạn chế về tính liên hoàn trong thể phòng thủ chung của đất nước.

### **2.3. Những vấn đề đặt ra đối với quá trình phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long và củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9 hiện nay**

**2.3.1. Giữa yêu cầu cao phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, hội nhập và củng cố vững chắc khu vực phòng thủ ở đồng bằng sông Cửu Long với thực trạng về cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn còn nhiều yếu kém đang là mâu thuẫn lớn**

**2.3.2. Đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao với đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và bảo đảm tiềm lực quốc phòng – an ninh trong thời kỳ mới còn khoảng cách lớn**

**2.3.3. Sự phát triển thiếu nhất quán, đồng bộ giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn đồng bằng sông Cửu Long làm ảnh hưởng đến củng cố khu vực phòng thủ**

**2.3.4. Những cơ chế, chính sách đặc thù gắn với yêu cầu phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long và củng cố khu vực phòng thủ còn nhiều bất cập**

#### **Kết luận chương 2**

Lịch sử phát triển ĐBSCL gắn liền với lĩnh vực nông nghiệp. Những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế của nó không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh lương thực quốc gia, mà còn là nhân tố “trụ cột” chi phối, tác động mọi mặt đời sống xã hội và QP - AN trên địa bàn.

Sự tác động của phát triển nông nghiệp ĐBSCL đến củng cố KVPT trên địa bàn mang tính toàn diện, nhất là tác động tích cực đến bảo đảm hậu cần nhân dân tại chỗ và xây dựng “thể trận lòng dân” ở một trong những địa bàn trọng điểm về QP - AN. Đây có thể xem là “điểm nhấn” trong toàn bộ nội dung củng cố KVPT. Tuy nhiên, đã bộc lộ những bất cập trong phát triển nông nghiệp ĐBSCL, bắt nguồn từ những nguyên nhân sâu xa cần phải tính đến. Từ việc thiếu chiến lược quy hoạch, tổ chức sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, tự phát đến việc lúng túng trong chuyển đổi cơ cấu và ứng dụng khoa học – công nghệ, thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa người sản xuất với doanh nghiệp, còn hạn chế trong thu hút vốn đầu tư... có tác động tiêu cực đến việc củng cố KVPT trên nhiều phương diện; và hiện nay cũng đang bộc lộ một loạt vấn đề đặt ra với mối quan tâm sâu sắc của từng người dân, các cấp chính quyền và các nhà khoa học, nhất là

Đáng chú ý hơn, nhiều tài liệu, bài báo khoa học đề cập trực tiếp đến phát triển nông nghiệp ĐBSCL gắn với những đặc thù riêng và vai trò quan trọng của nó đối với các mặt của đời sống xã hội. như: Võ Văn Kiệt, Nguyễn Tấn Dũng với “Tây Nam bộ tiến vào thế kỷ 21”; Nguyễn Đình Đầu với “Nam bộ xưa và nay”; Võ Tòng Xuân với “Hướng đi bảo đảm an ninh lương thực quốc gia ở ĐBSCL”; Võ Hùng Dũng với “Chiến lược phát triển kinh tế ĐBSCL”... Đồng thời nhấn mạnh: vùng đất này cũng đang đối mặt với nhiều vấn đề có liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững như: hạ tầng giao thông, tri thức, môi trường nước... Hơn nữa, trước đòi hỏi của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nói chung và ĐBSCL nói riêng đã và đang đặt ra nhiều vấn đề mới có liên quan đến lĩnh vực này và những tác động của nó đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 cần được nghiên cứu kỹ và có hệ thống hơn.

Tóm lại, có thể khẳng định: từ trước đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu về “*Phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long và tác động của nó đến củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9 hiện nay*” tiếp cận ở góc độ chuyên ngành kinh tế chính trị với tư cách công trình khoa học độc lập, đề cập một cách trực tiếp, hệ thống và đầy đủ. Cho nên, đề tài này được tác giả nghiên cứu trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của nhiều nhà khoa học đi trước, những chính kiến của những người am hiểu và tâm huyết vùng đồng bằng sông nước Miền Tây, song không trùng lặp với bất kỳ một công trình khoa học nào đã được công bố trước đây.

#### **Chương 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN CỬNG CỐ KHU VỰC PHÒNG THỦ TỈNH (THÀNH PHỐ) TRÊN ĐỊA BÀN QUÂN KHU 9**

#### **1.1. Phát triển nông nghiệp nước ta và phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long**

##### **1.1.1. Quan niệm về phát triển nông nghiệp nước ta ngày nay**

Trên cơ sở khai thác nội hàm của phát triển nông nghiệp ở nước ta ngày nay gắn với đặc điểm lớn nhất của thời đại là vấn đề toàn cầu hoá kinh tế và sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học – công nghệ, luận án cho rằng: *phát triển nông nghiệp nước ta ngày nay là quá trình chuyển nền nông nghiệp sản xuất nhỏ lạc hậu sang phát triển toàn diện nền sản xuất lớn tiên tiến, hiện đại có cơ*

*cấu hợp lý, gắn với mở rộng thị trường hội nhập tạo ra những tiền đề cho sự phát triển KT - XH bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống nông dân và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.*

Quan niệm trên chỉ ra toàn diện các yếu tố có liên quan đến phát triển nông nghiệp trong bối cảnh ngày nay, trong đó phản ánh hai yêu cầu cơ bản là: phát triển nông nghiệp nước ta phải theo hướng CNH, HĐH và phải đem lại lợi ích thiết thực cho người nông dân, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn mới. Hai yêu cầu này sẽ làm cho nền nông nghiệp nước ta chuyển động theo hướng phát triển cân đối, hài hoà, hiệu quả, ổn định và bền vững.

### **1.1.2. Phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long**

*\* Khái lược về đồng bằng sông Cửu Long và quan niệm về phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long*

- ĐBSCL là vùng đất rộng lớn, dân số đông, bao gồm thành phố Cần Thơ và các tỉnh: Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau (không tính tỉnh Long An thuộc địa bàn Quân khu 7).

- Đây là vùng đất có cơ cấu thổ nhưỡng rất đa dạng, thích ứng với phát triển nông nghiệp, chỗ dựa kinh tế cho đến nay chủ yếu là lúa gạo, thủy sản, luôn giữ vai trò bảo đảm an ninh lương thực quốc gia: hàng năm đóng góp trên 80% lượng gạo xuất khẩu, cung cấp trên 42% sản lượng thủy sản đánh bắt và gần 67% sản lượng thủy sản nuôi trồng so với cả nước.

- Cung cách làm ăn của người dân nơi đây đã gắn liền với tính chất sản xuất hàng hóa rất sớm và đã ăn sâu vào đời sống của dân cư, là vùng nông nghiệp thương phẩm sôi động nổi bật hơn các vùng khác trong cả nước.

- Đặc thù của ĐBSCL là thường xuyên “sống chung với lũ” (cả lũ ngọt và lũ mặn), là nơi hội tụ nhiều tôn giáo, dân tộc sinh sống, đất đai do lịch sử để lại có nguồn gốc rất phức tạp, tài nguyên nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp phụ thuộc rất lớn vào nhiều nước trong tiểu vùng sông Mêkong và chịu sự tác động của biến đổi khí hậu lớn nhất so với cả nước.

*\* Nội dung phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long*

Luận án chú trọng đến các nội dung phát triển nông nghiệp của vùng này theo hướng phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, đó là:

**Thứ nhất**, Tập trung quy hoạch đất đai nông nghiệp, xây dựng chiến lược công nghệ sinh học, công nghiệp chế biến làm mũi đột phá.

- Phát triển nông nghiệp do chi phối của cơ chế thị trường, xu hướng chung đã và đang xuất hiện tâm lý chủ quan, quá đề cao lợi ích kinh tế (thậm chí tìm kiếm lợi nhuận bằng mọi giá), xem nhẹ nhiệm vụ quốc phòng – an ninh, làm cho tệ nạn xã hội gia tăng an ninh trật tự diễn biến phức tạp, tiềm ẩn bất ổn trong xã hội ở nông thôn đồng ĐBSCL.

- Phân hoá giàu nghèo trong nội bộ khu vực nông thôn ngày càng lớn, người nông dân không có đất sản xuất tăng lên, việc khiếu kiện đông người về vấn đề đất đai càng ngày thêm phức tạp...đây là những tác nhân làm cho “lòng dân” sẽ ly tán.

- Mâu thuẫn giữa vùng trồng lúa và vùng nuôi tôm, giữa những người nuôi tôm chung một nguồn nước do tính bất cập của hệ thống thủy lợi nông nghiệp trong vùng dẫn đến xô xát, kiện tụng, ảnh hưởng đến sức mạnh cố kết cộng đồng. Hiện tượng này không chỉ đơn thuần là nhân tố kinh tế, mà còn là nhân tố chính trị - xã hội.

### **2.2.3. Khó khăn về xây dựng lực lượng**

Điều này được thể hiện:

- Phát triển nông nghiệp thiếu bền vững, kém thu hút, nên nhiều cuộc “di dân” tự phát từ nông thôn ra thành thị làm ăn vượt tầm kiểm soát ( di dân ở ĐBSCL về đô thị nội vùng ít mà chủ yếu là tới TP. Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ, đồng thời có một lượng di cư khá lớn nông thôn – nông thôn diễn ra theo mùa). Điều này làm khó khăn cho nhiệm vụ quản lý, huấn luyện, huy động lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên trong KVPT.

- Hiệu lực lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ, chính quyền địa phương cơ sở còn thấp (do trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn hổng hụt), không chỉ ảnh hưởng đến việc chỉ đạo sản xuất nông nghiệp mà còn gặp nhiều lúng túng, bị động trong phát huy sức mạnh tổng hợp củng cố KVPT trên địa bàn (nhất là vùng sâu, vùng xa).

### **2.2.4. Khó khăn về xây dựng biên giới hoà bình, ổn định và phát triển (chủ yếu là biên giới biển, đảo trên địa bàn)**

Điều này được thể hiện:

- Trong xu thế chung vấn đề hội nhập là tất yếu, nhưng không xoá nhoà ranh giới giữa các quốc gia dân tộc, nhất là vấn đề biển, đảo trong bối cảnh thế kỷ 21 là thế kỷ của kinh tế biển làm bước đột phá cho phát triển, trong đó có nguồn lợi thủy sản.

- ĐBSCL được ưu đãi nhiều mặt về thủy sản, nhưng vành đai 7 tỉnh ven biển phát triển chậm và nghèo, vừa không khai thác tối đa

#### **2.1.4. Phát triển nông nghiệp tác động tích cực củng cố các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng ngày một bền chặt**

- Nông nghiệp ĐBSCL liên quan đến nguồn tài nguyên của lưu vực sông Mêkong (95% nguồn nước cho sản xuất), phát triển mang tính chuyên, nên đã chủ động trao đổi kinh nghiệm sản xuất, hỗ trợ lương thực kịp thời cho nhân dân bạn khi có thiên tai, lũ lụt... đây là nhân tố góp phần tác động tích cực đến xây dựng lòng tin lẫn nhau, càng phát huy công tác ngoại giao nhân dân trong hoạt động phòng thủ.

- Tích cực các hoạt động giao thương với sự phong phú của các nhóm hàng hoá nông phẩm, gắn với xây dựng chuỗi đô thị biên giới, tạo thế liên hoàn về lợi ích kinh tế đôi bên, vừa tạo thế và lực mới trong thế trận phòng thủ được mở rộng hơn về không gian.

### **2.2. Những hạn chế và tác động không thuận chiều của phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long đến củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9**

#### **2.2.1. Hạn chế của phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long**

Bên cạnh những thành tựu đã được khẳng định, thì nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long cũng bộc lộ những tồn tại, trong đó nổi cộm lên ba vấn đề cần quan tâm là:

- Thiếu qui hoạch cơ bản làm cho lỗi sản xuất nhỏ, tự phát đã và đang tiếp diễn.

- Duy trì thói quen độc canh cây lúa, làm theo phong trào, ít chịu đột phá tìm mô hình mới mang tính vững chắc.

- Thiếu tính chủ động nắm bắt lợi thế so sánh trong cạnh tranh thời buổi cơ chế thị trường, hội nhập.

Chính tình hình này đã làm cho tốc độ tăng GDP bình quân đầu người trong vùng đạt thấp (chỉ khoảng 67% so với mức bình quân chung cả nước), mức sống thực tế ở dạng nghèo còn cao, xuất khẩu thủy sản luôn bấp bênh (năm 2009 giảm 15 – 20 % so với năm 2008), thu hút được rất ít vốn và dư án đầu tư (chiếm 13% so với 45% ở vùng Đông Nam Bộ), chủ yếu các nhà đầu tư đến từ các quốc gia, vùng lãnh thổ châu Á, nhất là Đài Loan, Thái Lan. Điều này chưa thể hiện đúng vai trò của vùng trọng điểm nông nghiệp số một của cả nước, không chỉ tác động trực tiếp đến đời sống KT - XH, mà còn đặt ra không ít khó khăn trong củng cố KVPT trên địa bàn.

#### **2.2.2. Khó khăn về xây dựng thế trận lòng dân**

Điều này được thể hiện:

**Thứ hai**, Thực hiện cơ chế và hệ thống chính sách đặc thù đề huy động mọi nguồn lực phục vụ cho phát triển nông nghiệp ĐBSCL.

**Thứ ba**, Phát triển nông nghiệp ĐBSCL với bảo đảm ngày càng tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân ở những địa bàn khó khăn.

Từ những khái lược vừa nêu trên, luận án cho rằng: *phát triển nông nghiệp ĐBSCL là quá trình không ngừng tăng về số lượng và chất lượng nông phẩm hàng hoá, gắn với cơ cấu chủ yếu là sản xuất lương thực và khai thác, chế biến thủy, hải sản theo hướng sản xuất lớn, tiên tiến, hiện đại, hội nhập và bền vững, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, ổn định kinh tế - xã hội nông thôn, xứng tầm là khu vực phát triển nông nghiệp lớn nhất cả nước.*

Quan niệm này đã thể hiện được nét riêng của vùng là cung cách làm ăn đã hoà nhập nhanh trong cơ chế thị trường thời kỳ hội nhập; với thế mạnh tuyệt đối là sản xuất lương thực và khai thác, chế biến thủy, hải sản so với các vùng khác trong cả nước; bảo đảm vai trò an ninh lương thực quốc gia trong mọi hoàn cảnh Đây cũng là hướng đi ưu tiên lâu dài trong mọi chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở ĐBSCL.

### **1.2. Khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) và sự tác động của phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long đến củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9**

#### **1.2.1. Một số vấn đề về khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)**

\* *Quan niệm về khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)*

- KVPT tỉnh (thành phố) là một tổ chức QP - AN địa phương theo địa giới hành chính.

- Nội dung được xây dựng vững mạnh về mọi mặt theo kế hoạch chung thống nhất, dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng và điều hành của chính quyền địa phương.

- Mục đích nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp tại chỗ, chủ động ngăn ngừa và đối phó hiệu quả mọi tình huống cả thời bình và thời chiến.

\* *Nội dung xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)*

Nội dung được xây dựng toàn diện thể hiện với các vấn đề chủ yếu sau đây:

**Thứ nhất**, xây dựng yếu tố chính trị tinh thần, cốt lõi là nhân dân tin Đảng, chính quyền, sự tất thắng của chế độ mới phải được xem là “cái gốc, cái nền” vững chắc của KVPT.

**Thứ hai**, phát triển kinh tế với ý nghĩa quyết định trực tiếp tạo ra sức mạnh QP - AN (từng bước tích lũy tiềm lực cho KVPT theo hướng tại chỗ, tự lực cung cấp bảo đảm nhu cầu QP - AN của địa phương).

**Thứ ba**, xây dựng về quân sự và an ninh (thực chất là xây dựng lực lượng và thể trận). Đây là nhiệm vụ trung tâm, tạo ra các tiềm lực nòng cốt tạo nên sức mạnh QP - AN của KVPT, có mối quan hệ biện chứng với các nội dung xây dựng khác. Trong đó, cần huy động mọi lực lượng, lấy lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt và thể trận ở cơ sở xã (phường) vững mạnh toàn diện phải được xem là nền tảng tạo ra nên sự vững chắc của thể trận KVPT tỉnh (thành phố).

### **1.2.2. Đặc điểm, nội dung củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9**

#### **\* Đặc điểm địa bàn Quân khu 9**

Xét về góc QP - AN, thì địa bàn này có nhiều nét đặc thù cần phải chú ý khi củng cố KVPT trong thời gian tới, đó là:

**Thứ nhất**, QK9 là địa bàn “vùng xa”: ở đầu phía Nam của Tổ quốc, hầu hết các địa phương đều giáp biên giới. Hơn nữa, đây là địa bàn còn gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng.

**Thứ hai**, QK9 là địa bàn gắn với vấn đề tôn giáo, dân tộc khá phức tạp về lịch sử (nhất là dân tộc Khmer Nam Bộ và phật giáo Hoà Hảo), dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng.

**Thứ ba**, QK9 là địa bàn có địa hình trũng, rất thấp so với mực nước biển, bất lợi trong củng cố lực lượng và thể trận của khu vực phòng thủ khi địa hình, thông tin liên lạc bị chia cắt bởi thường xuyên đối mặt với lũ (cả lũ ngọt và lũ mặn).

#### **\* Nội dung củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn quân khu 9**

Những đặc điểm vừa nêu trên chi phối đến củng cố KVPT trên địa bàn QK9 với những nội dung cụ thể cần tập trung giải quyết là:

**Thứ nhất**, xây dựng thể trận lòng dân vững chắc thông qua việc nâng cao ý thức, kiến thức về bảo vệ Tổ quốc, nhất là tầng lớp thanh niên, trí thức; đồng thời quan tâm đặc biệt đến hệ thống chính trị cơ sở ở vùng sâu, vùng xa, vùng vành đai biên giới trên bộ và trên biển.

**Thứ hai**, giải quyết khoa học mối quan hệ giữa phát triển kinh tế nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng với củng cố khu vực phòng thủ trong tiến trình CNH, HĐH.

- Về lương thực: diện tích lúa cả năm gần 4 triệu ha, sản lượng chiếm hơn 50% và xuất gạo chiếm 90% cả nước (trong lịch sử cuối thế kỷ 19, mỗi năm vùng này đã xuất khẩu khoảng nửa triệu tấn gạo).

- Về thủy, hải sản: diện tích nuôi trồng đã lên trên 700.000 ha, sản lượng đạt gần 2 triệu tấn (phần đầu đến năm 2010 đạt khoảng 2,2 triệu tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng chiếm 60%).

Điều này nói lên vai trò bảo đảm an ninh lương thực quốc gia nổi bật của ĐBSCL trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai. Là nhân tố xây dựng nền tảng vững chắc cho sức mạnh quốc phòng toàn dân trong mọi hoàn cảnh, mọi giai đoạn phát triển của Tây Nam Bộ và của đất nước.

### **2.1.2. Phát triển nông nghiệp góp phần tạo ra kết cấu hạ tầng vật chất và các phương tiện phục vụ yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ**

- Phát triển cơ giới hoá nông nghiệp (máy làm đất đạt 95%) vừa phục vụ cho nhu cầu sản xuất lớn vừa sẵn sàng huy động phục vụ cơ động lực lượng, trang bị kỹ thuật cho QP - AN.

- Khai thác hiệu quả hệ thống thủy lợi, cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ... đây cũng là hệ thống vật cản, nơi tập kết xây dựng, triển khai nhanh các trận địa để lực lượng tại chỗ của khu vực phòng thủ sẵn sàng làm nhiệm vụ khi có tình huống QP - AN đặt ra.

- Bảo vệ và trồng mới rừng ven biển, dọc biên giới... vừa bảo đảm môi trường sinh thái phục vụ nông nghiệp, vừa tạo ra được các tuyến phòng ngự tự nhiên rất có giá trị về mặt phòng thủ ở từng địa phương.

- Phát huy lợi thế nguồn tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản, góp phần hình thành hệ thống phân luồng giao thông thủy, đáp ứng khả năng cơ động các lực lượng vũ trang, xây dựng “tuyến phòng ngự từ xa” bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong khu vực.

### **2.1.3. Phát triển nông nghiệp tác động trực tiếp đến củng cố lực lượng quốc phòng – an ninh tại chỗ và xây dựng thể trận lòng dân vững chắc**

- Đời sống kinh tế nông thôn không ngừng được cải thiện có điều kiện huy động dễ dàng lực lượng bán vũ trang trong các tình huống đặt ra như: lũ lụt, thiên tai... cũng như có điều kiện tổ chức biên chế, bảo đảm chính sách, huấn luyện, giáo dục hằng năm theo qui định.

- Thông qua thành quả sản xuất nông nghiệp với những cơ chế, chính sách phù hợp với tính đặc thù văn hoá, xã hội, con người Nam Bộ đã nâng cao lòng tin của người dân nơi đây đối với Đảng, với chế độ. Đây là chỗ dựa “trận địa” vững chắc nhất làm thất bại chiến lược “diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

**1.3.3. Những nội dung có thể vận dụng vào phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long gắn với củng cố khu vực phòng thủ trên địa bàn quân khu 9**

**Một là**, Phát triển nông nghiệp ĐBSCL phải là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược hoạch định chính sách kinh tế của vùng.

**Hai là**, Phát triển nông nghiệp ĐBSCL hướng mạnh về vùng nông thôn nghèo và nông dân có trình độ dân trí thấp.

**Ba là**, Phát triển nông nghiệp ĐBSCL gắn với giao thông biên giới trên bộ và ven biển.

**Kết luận chương 1**

Phát triển nông nghiệp nước ta đã, đang và sẽ luôn đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế và ổn định đời sống chính trị xã hội của đất nước.

Đối với ĐBSCL, từ trước đến nay nông nghiệp luôn được xác định là mũi đột phá trong phát triển KT - XH và luôn có sự kết hợp chặt chẽ xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, tạo sức mạnh tổng hợp để chủ động ngăn ngừa và sẵn sàng đối phó có hiệu quả với mọi tình huống bảo vệ địa phương, góp phần bảo vệ Tổ quốc. Tuy phát triển nông nghiệp ĐBSCL và củng cố KVPT trên địa bàn QK9 có những nét đặc thù riêng, nhưng nhất thiết phải biết kế thừa có chọn lọc những mô hình phát triển nông nghiệp và chú ý tác động của nó đến mọi mặt trong đời sống xã hội. Nếu biết nghiên cứu, vận dụng phù hợp, cùng với nỗ lực chủ quan của các cấp, các ngành thì nhất định trong tương lai, ĐBSCL không chỉ là vùng đất “đi trước, về trước” trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, mà còn là “điểm sáng” về ổn định chính trị - xã hội, vững mạnh về QP - AN.

**Chương 2**

**THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN Củng cố KHU VỰC PHÒNG THỦ TỈNH (THÀNH PHỐ) TRÊN ĐỊA BÀN QUÂN KHU 9 HIỆN NAY**

**2.1. Những thành tựu và tác động thuận chiều của phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long đến củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9**

**2.1.1. Kinh tế nông nghiệp tăng trưởng cao, liên tục tạo tiền đề vững chắc cho an ninh lương thực quốc gia và công tác hậu cần nhân dân trong khu vực phòng thủ**

**Thứ ba**, nâng cao chất lượng chính trị cho lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, xây dựng thể trận liên hoàn vành đai biên giới và các địa bàn thường xuyên ngập lũ.

**1.2.3. Sự tác động của phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long đến củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9**

*\* Cơ sở khách quan của sự tác động*

Điều này được lý giải dưới những góc độ sau đây:

**Thứ nhất**, xuất phát từ lịch sử phát triển nông nghiệp ĐBSCL luôn gắn liền với nhiệm vụ QP - AN.

**Thứ hai**, xuất phát từ tiềm năng, lợi thế vượt trội về nông nghiệp và vị trí địa lý đặc thù của ĐBSCL.

**Thứ ba**, xuất phát từ yêu cầu phát triển bền vững nông nghiệp ĐBSCL.

*\* Nội dung tác động của phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long đến củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9*

Nội dung được biểu hiện tập trung rõ nhất với những vấn đề sau:

**Thứ nhất**, tác động đến việc bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống, đồng thời trực tiếp tạo ra khả năng bảo đảm lương thực, thực phẩm cho các lực lượng hoạt động trong KVPT.

**Thứ hai**, tác động đến việc tạo ra kết cấu hạ tầng vật chất vừa đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH vừa phục vụ cho hoạt động của các lực lượng trong KVPT.

**Thứ ba**, tác động đến việc tạo điều kiện củng cố cả về biên chế, tổ chức và nâng cao chất lượng tổng hợp cho lực lượng trong KVPT; đồng thời tạo điều kiện cho việc củng cố khối đại đoàn kết, xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc.

**Thứ tư**, tác động đến việc tạo dựng thể trận phù hợp với tình hình mới (nhất là thể trận ngoại giao nhân dân vành đai biên giới), mở rộng không gian phòng thủ ổn định lâu dài.

**1.3. Những bài học kinh nghiệm của một số nước và một số vùng trong nước vận dụng vào phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long gắn với củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9**

**1.3.1. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp của một số nước**

*\* Kinh nghiệm của Trung Quốc*

- Qua hơn 30 năm cải cách trên lĩnh vực nông nghiệp, Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đó là:

+ Giải quyết thành công vấn đề lương thực của một quốc gia đông dân trong thời gian ngắn (diện tích chưa đến 9% đất canh tác của thế giới nhưng nuôi sống gần 21% dân số thế giới).

+ Làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn một cách căn bản, gắn với nhiều loại hình dịch vụ (hiện nay có khoảng 226 triệu nông dân làm thuê, trở thành bộ phận cấu thành quan trọng trong lao động nông nghiệp).

+ Mức sống của người nông dân không ngừng được cải thiện (năm 1978 thu nhập bình quân đầu người của nông dân là 134 Nhân dân tệ thì nay đã tăng lên 4.140 Nhân dân tệ, dự báo hằng năm sẽ tăng ít nhất là 6%).

+ Thể chế cơ chế và sự nghiệp công cộng ở nông thôn có sự thay đổi sâu sắc, làm tiền đề xác lập địa vị chủ thể của nông dân.

- Tuy nhiên, kinh tế Trung Quốc càng tăng trưởng “nóng” thì lĩnh vực nông nghiệp càng có nhiều nghịch lý, đó là:

+ Nông dân không ngừng tăng lên mâu thuẫn với tiến trình phát triển thời kỳ văn minh công nghiệp, tri thức.

+ Nông dân quá nghèo (bản chất nông dân nghèo được đề cập ở đây là nói so với thành tích từ khi cải cách, nông dân chưa có những lợi ích tương ứng).

+ Tình trạng phân hoá nông dân (không chỉ phân hoá về ngành nghề, mà còn có sự phân hoá về tài sản và thu nhập).

+ Tình trạng nông dân yếu thế (là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội, nhưng luôn bị thiệt thòi, luôn là nhóm người yếu thế trong xã hội thể hiện ở việc quyền tài sản ở nông thôn vẫn chưa rõ ràng, nhất là vấn đề ruộng đất).

Những hệ quả tác động ngược chiều làm cho “nông nghiệp đi lên, nông dân đi xuống” không chỉ đơn thuần là yếu tố kinh tế, mà còn tác động đến mọi mặt trong đời sống xã hội, trong đó có vấn đề củng cố KVPT.

#### *\* Kinh nghiệm của Thái lan*

- Là quốc gia có thế mạnh về nông nghiệp và sớm có chính sách “hướng xuất khẩu” vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu nên Thái Lan là “điểm sáng” nhất trong khu vực về phát triển nông nghiệp.

- Hiện nay nền nông nghiệp Thái Lan đang theo đuổi ba chiến lược phát triển: chiến lược xây dựng cơ cấu kinh tế toàn diện, chiến lược lúa gạo quốc gia và chiến lược phát triển các vùng nông nghiệp sinh thái đô thị.

- Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, Thái Lan luôn vấp phải hai vấn đề cần quan tâm: vấn đề tranh chấp biên giới và phân hoá giàu nghèo. Điều này cho thấy, muốn đặt nền móng “an dân” phải huy động tổng lực với nhiều hình thức hỗ trợ để vực dậy khu vực nông thôn nghèo và rất cần đến vai trò của quân đội làm tốt công dân vận phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

#### **1.3.2. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp của các vùng trong nước (chủ yếu là đồng bằng sông Hồng)**

- Trong quá trình phát triển nông nghiệp, có hai điểm cần nhấn mạnh: so với các vùng khác, đồng bằng sông Hồng đã sớm đầu tư có chiều sâu cho cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn (nhất là phát triển giao thông, xây dựng nông thôn mới, gắn kết giữa phát triển nông nghiệp với phát triển mạnh làng nghề truyền thống), đây không chỉ là nền tảng vững chắc để tiến hành CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, mà còn tạo lập được thế trận liên hoàn trong KVPT trước yêu cầu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay. Hơn nữa, đồng bằng sông Hồng đã trải nghiệm chế độ sở hữu tập thể nông nghiệp một thời gian dài, đã góp phần không nhỏ trong việc ổn định nông thôn, tác động tích cực đến chính sách hậu phương quân đội, sự đoàn kết tương trợ, tình làng nghĩa nước được vun đắp.

- Tuy nhiên, cũng chính rào cản của mô hình hợp tác hoá kiểu cũ chậm thay đổi nên tàn dư về hiện tượng cơ chế xin - cho, tệ quan liêu còn dai dẳng nặng nề ở nông thôn, sản xuất nông nghiệp chưa “bắt nhịp” nhanh với cơ chế mới, và việc làn sóng “đi dân tự do” ra thành phố tìm việc làm diễn ra ngoài tầm kiểm soát, chuyển đổi đất nông nghiệp sang mục đích khác quá nhanh không chỉ ảnh hưởng đến chiến lược an ninh lương thực quốc gia, mà còn gặp khó khăn trong quản lý lực lượng, triển khai thế trận trong KVPT.

- Ngoài ra, các vùng khác như Đông Nam Bộ, Tây Nguyên... cũng có nhiều bài học hay liên quan đến phát triển nông nghiệp như hình thành các khu trang trại tập trung, xây dựng các công trình thuỷ lợi phục vụ tưới tiêu, đưa vào hoạt động các khu kinh tế - quốc phòng; nhưng cũng có nhiều bài học đau lòng luôn diễn ra như: chặt phá rừng tràn lan, gây ô nhiễm môi trường nước sản xuất, qui hoạch “treo” đất nông nghiệp... Những bài học đó cần tham khảo trong việc hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp ĐBSCL cần tính đến hệ quả tác động lâu dài của nó đến nhiều góc độ khác nhau, trong đó có tác động đến củng cố KVPT.